

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 7 - 2022

V/v tranh chấp xin ly hôn và
giải quyết việc nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN huyện H TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Phạm Hồng Gái

2. Đoàn Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Chúc D, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Việt L, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Chúc D trình bày: Vào năm 2007, chị và anh Nguyễn Việt L tìm hiểu và yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận cho tổ chức lễ cưới, đến ngày 12/12/2012 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc, anh chị sinh được hai người con là cháu Nguyễn Thị Anh Thơ, sinh ngày 26/8/2007 và cháu Nguyễn Thị Anh Thư, sinh ngày 14/5/2014. Quá trình chung sống, thỉnh thoảng vợ chồng chị vẫn xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau, nhưng từ đầu năm 2022, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do anh L thường hay tụ tập bạn bè ăn nhậu, không quan tâm, chăm lo cho vợ con, chị đã nhiều lần khuyên nhủ anh L sửa đổi tính tình, lo làm ăn, nhưng anh L vẫn không thay đổi. Chị nhận thấy vợ chồng chị không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt

được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Về con chung, chị nhận nuôi hai con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Việt L trình bày: Quá trình tìm hiểu, kết hôn giữa anh và chị D như chị D trình bày là đúng. Sau khi làm lễ cưới năm 2007, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc và có hai con chung, tuy nhiên thời gian từ khoảng tháng 02 năm 2022, giữa anh chị mới nảy sinh mâu thuẫn, cự cãi nhau, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm một vài vấn đề trong cuộc sống, chứ không có mâu thuẫn nghiêm trọng. Anh còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn với chị D. Về con chung, nếu vợ cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý giao con cho vợ nuôi, vì con cái còn nhỏ, ở với mẹ sẽ có điều kiện chăm sóc tốt hơn. Về tài sản chung và nợ chung, quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị D nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với anh Nguyễn Việt Linh, có nơi cư trú ở ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang, do đó căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh L chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang ngày 12/12/2012, đó đó hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị D, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, hòa thuận và thương yêu nhau, nhưng kể sau khi sinh con thứ hai, giữa chị D và anh L bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau, anh L thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc vợ con khiến cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, nhất là từ đầu năm 2022, anh L thường nhậu nhẹt, không lo làm ăn, chị D có khuyên bảo nhưng anh không sửa đổi, dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị D đưa hai con về sống với mẹ ruột. Xét thấy chị D không còn tình cảm với anh L, cuộc sống hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc, giữa anh chị không còn tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2022, nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho chị D ly hôn với anh L, là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Anh Thơ, sinh ngày 26/8/2007 và cháu Nguyễn Thị Anh Thư, sinh ngày 14/5/2014, xét thấy chị D có thu nhập ổn định (7.000.000 đồng/tháng) và có

công việc làm thêm nên đủ điều kiện nuôi hai con, các cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ và anh L cũng đồng ý giao hai con cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng nên căn cứ quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận giao hai con cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con. Chị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị xác nhận quá trình chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị D yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56 và khoản 1, khoản 2, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Chúc D ly hôn với anh Nguyễn Việt L.
2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị Anh Thơ, sinh ngày 26/8/2007 và cháu Nguyễn Thị Anh Thư, sinh ngày 14/5/2014 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con. Chị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.
4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí: Nguyên đơn chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng

nguyên đơn đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007859 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã Mỹ Hiệp Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết Mai